

Số: 03/2025/QĐST-HNGĐ

Kinh Môn, ngày 24 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN- TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Ly – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 10/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025 về việc "*yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận vợ chồng*" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Phạm Thị P, sinh ngày 01-01-1951. Số Căn cước công dân: 030151000501. Ngày cấp: 11-7-2022. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi cư trú: Thôn A, xã H, thị xã K, tỉnh Hải Dương

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

-Ủy ban nhân dân xã Hiệp Hòa, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

Địa chỉ: xã Hiệp Hòa, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Quân- Chủ tịch

- Anh Nguyễn Hồng K, sinh ngày 26-3-1974 (Tên gọi khác: Nguyễn Văn K). Số Căn cước công dân: 030074001456. Ngày cấp: 22-12-2021. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Chị Tống Thị T, sinh ngày 14-9-1975. Số Căn cước công dân: 030175021272. Ngày cấp: 20-9-2021. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Đều trú tại: Nơi cư trú: Thôn A, xã H, thị xã K, tỉnh Hải Dương

(Bà P, chị T, anh K, Ủy ban nhân dân xã Hiệp Hòa đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình của bà Phạm Thị P và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện:

Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Hồng K, chị Tổng Thị T là con dâu của bà. Anh K và chị T có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Hòa vào ngày 27-02-1993. Trước lúc kết hôn anh chị được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn. Tại thời điểm đăng ký kết hôn anh K chưa đủ tuổi đăng ký nên đã khai sinh năm 1973. Theo căn cước công dân và giấy khai sinh thể hiện anh tên là Nguyễn Hồng K sinh ngày 26-3-1974. Như vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn anh K mới được 18 tuổi 11 tháng 01 ngày chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định. Tại giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ghi tên của anh Nguyễn Văn K là không đúng. Bà cam đoan anh Nguyễn Văn K và Nguyễn Hồng K đều là một người. Các giấy tờ của con trai bà đều thể hiện tên là Nguyễn Hồng K. Do thời điểm đăng ký kết hôn ghi sai tên là Nguyễn Văn K.

Anh K và chị T kể từ khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, có 02 con chung. Nay bà đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn hủy đăng ký kết hôn giữa chị T và anh K do UBND xã Hiệp Hòa cấp ngày 27-02-1993.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Hồng K và chị Tổng Thị T trình bày:

Anh chị có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Hòa vào ngày 27-02-1993. Trước lúc kết hôn anh chị được tự nguyện tìm hiểu. Tại thời điểm đăng ký kết hôn ghi tên anh là Nguyễn Văn K sinh năm 1973 cho đủ tuổi. Theo căn cước công dân và giấy khai sinh thể hiện anh tên là Nguyễn Hồng K, sinh ngày 26-3-1974. Như vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn đã ghi tên của anh không đúng và lúc đó anh mới đủ 18 tuổi 11 tháng 01 ngày chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định. Do thời điểm đó anh đã khai tăng tuổi lên.

Anh chị kể từ khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, có 02 con chung là Nguyễn Đức Khánh, sinh ngày 04-12-1993; Nguyễn Việt Hoàng, sinh ngày 17-02-2008.

Nay bà Phạm Thị P yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn hủy đăng ký kết hôn giữa anh và chị T ngày 27-02-1993 anh chị không đồng ý. Đến thời điểm này anh K đã đủ tuổi kết hôn theo quy định nên anh chị cùng đề nghị Tòa án công nhận anh chị là vợ chồng kể từ thời điểm anh K đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Anh K cam đoan tên Nguyễn Hồng K và Nguyễn Văn K vẫn là một người. Nếu sai anh hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Đại diện Ủy ban nhân dân xã Hiệp Hòa trình bày :

Anh Nguyễn Hồng K và chị Tổng Thị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Hòa vào ngày 27-02-1993. Tại sổ đăng ký kết hôn số thứ tự 014/1993 ghi tên chồng là Nguyễn Văn K, sinh năm 1973; vợ là Tổng Thị T sinh năm 1975. Đối chiếu với giấy khai sinh và Căn cước công dân của anh thể hiện tên là Nguyễn Hồng K, sinh ngày 26-3-1974 là không đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định. Quan điểm của địa phương đồng ý hủy giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của anh Nguyễn Văn K và chị Tổng Thị T do Ủy ban nhân dân xã Hiệp Hòa cấp ngày 27-02-1993.

Địa phương xác định anh Nguyễn Hồng K và Nguyễn Văn K là một người.

Tại phiên họp: Bà P, anh K, chị T, Ủy ban nhân dân xã Hiệp Hòa đều có đơn xin vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn có quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 8, Điều 10; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị P về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn Hồng K (Nguyễn Văn K) và chị Tổng Thị T theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 014 ngày 27-02-1993 do Ủy ban nhân dân xã Hiệp Hòa, huyện K Môn, tỉnh Hải Hưng (nay là xã Hiệp Hoà, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương) cấp.

2. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Tổng Thị T và anh Nguyễn Hồng K (Nguyễn Văn K) kể từ ngày 26-3-1994.

3. Về lệ phí: Bà Phạm Thị P không phải chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Nguyễn Hồng K (Nguyễn Văn K) và chị Tổng Thị T phải chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Phạm Thị P có đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn Hồng K và chị Tống Thị T. Anh K và chị T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Hòa, huyện K Môn, tỉnh Hải Hưng (nay là xã Hiệp Hòa, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương). Toà án nhân dân thị xã Kinh Môn thụ lý giải quyết yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật là đúng với thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà P, anh K, chị T, Ủy ban nhân dân xã Hiệp Hòa đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án quyết định mở phiên họp vắng mặt bà P, chị T, anh K, Ủy ban nhân dân xã Hiệp Hòa.

[2]. Về nội dung:

- Xét yêu cầu của bà Phạm Thị P về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Tống Thị T và anh Nguyễn Hồng K (Nguyễn Văn K), do Ủy ban nhân dân xã Hiệp Hòa cấp số 014 ngày 27-02-1993. Tại Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ghi tên Nguyễn Văn K sinh năm 1973. Đối chiếu với Giấy khai sinh và Căn cước công dân của anh thể hiện tên Nguyễn Hồng K, sinh ngày 26-3-1974. Như vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn anh K mới được 18 tuổi 11 tháng 01 ngày, chưa đủ tuổi đăng ký theo quy định tại Điều 5 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 và ghi không đúng tên anh. Anh K và chị T không đồng ý hủy kết hôn trái pháp luật và đề nghị công nhận anh chị là vợ chồng kể từ thời điểm anh K đủ tuổi theo quy định. Ủy ban nhân dân xã Hiệp Hòa đồng ý hủy giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa anh K và chị T.

Yêu cầu của bà P là có căn cứ tuy nhiên anh K và chị T đều đề nghị Tòa án công nhận vợ chồng nên không chấp nhận yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của bà. Áp dụng Điều 8; Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh K và chị T kể từ ngày 26-3-1994.

[3]. Về lệ phí: Bà Phạm Thị P không phải chịu lệ phí Tòa án theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh K và chị T phải chịu lệ phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 8, Điều 10; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tục số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị P về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn Hồng K (Nguyễn Văn K) và chị Tống Thị T theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 014 ngày 27-02-1993 do Ủy ban nhân dân xã Hiệp Hòa, huyện Kim Môn, tỉnh Hải Hưng (nay là xã Hiệp Hòa, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương) cấp.

2. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Hồng K (Nguyễn Văn K) và chị Tống Thị T kể từ ngày 26-3-1994.

3. Về lệ phí: Bà Phạm Thị P không phải chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Nguyễn Hồng K (Nguyễn Văn K) và chị Tống Thị T phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- UBND xã Hiệp Hòa, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Nguyễn Thị Nguyệt